

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LẦN VI

Tháng 04 Năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
MỤC LỤC	2
CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH	5
CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	9
Điều 1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ.....	9
Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	9
Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán.....	9
Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ.....	9
Điều 5. Công ty Quản lý Quỹ.....	9
Điều 6. Ngân hàng Giám sát.....	10
CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	11
Điều 7. Mục tiêu đầu tư.....	11
Điều 8. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư.....	11
Điều 9. Hạn chế đầu tư.....	12
Điều 10. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký quỹ.....	14
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	14
CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	14
Điều 12. Nhà Đầu tư.....	14
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư.....	14
Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư.....	15
Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	15
Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	18
Điều 17. Giá phát hành và giá mua lại Đơn vị Quỹ.....	19
Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ.....	19
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	19
Điều 19. Đại hội Nhà Đầu tư.....	19
Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư.....	20
Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư.....	20
Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.....	21
Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.....	22
CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ VÀ HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ	23
Điều 24. Ban Đại diện Quỹ.....	23
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	24
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ.....	24
Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.....	25
Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ.....	25

Điều 29. Hoạt động của Ban Đại diện Quỹ.....	25
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ.....	26
CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	27
Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ.....	27
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ.....	27
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ	31
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	32
CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	34
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát	34
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát	34
Điều 37. Hoạt động lưu ký tài sản quỹ của ngân hàng giám sát.....	35
Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát	37
Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát	39
CHƯƠNG VIII:CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	39
Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền	39
Điều 41. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	40
Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	40
Điều 43. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	40
Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	41
CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	42
Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối	42
Điều 46. Hoạt động của Đại lý Phân phối.....	42
Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối	43
Điều 48. Chấm dứt hoạt động của Đại lý Phân phối.....	44
CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	44
Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	44
Điều 50. Năm Tài chính.....	45
Điều 51. Chế độ kế toán.....	45
Điều 52. Báo cáo tài chính.....	45
Điều 53. Báo cáo khác	45
CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	46
Điều 54. Xác định Giá trị Tài sản Ròng.....	46
Điều 55. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ	46
Điều 56. Công ty Quản lý Quỹ đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ	46
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	47
CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ	47
Điều 58. Thu nhập của Quỹ	47
Điều 59. Lợi nhuận của Quỹ	48
Điều 60. Các chi phí do Nhà Đầu tư trả.....	48

Điều 61. Các chi phí do Quỹ trả.....	49
CHƯƠNG XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ.....	51
Điều 62. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập.....	51
Điều 63. Các điều kiện tách Quỹ	51
Điều 64. Các điều kiện giải thể Quỹ	51
CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	51
Điều 65. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.....	51
CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	52
Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư.....	52
Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	52
Điều 68. Điều khoản thi hành	53
Điều 69. Đăng ký Điều lệ.....	53
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	54
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	56
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	57
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ.....	58

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- “Quỹ”** có nghĩa là Quỹ đầu tư cân bằng Bản Việt (VCAMBF), một quỹ đầu tư chứng khoán dạng quỹ mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011 (sau đây gọi chung là **“Luật Chứng khoán”**) và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ.
- “Công ty Quản lý Quỹ”** có nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, được thành lập theo giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/10/2006 hoặc bất kỳ Công ty quản lý quỹ nào khác được chỉ định thay thế. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Bản Việt được uỷ thác quản lý Quỹ đầu tư cân bằng Bản Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
- “Ngân hàng Giám sát”** có nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (“BIDV”), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/GDHDŁK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp hoặc bất kỳ Ngân hàng Giám sát nào khác được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 36 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
- “Công ty Kiểm toán”** có nghĩa là một công ty kiểm toán độc lập được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.
- “Đại lý Phân phối”** có nghĩa là các tổ chức đã đăng ký thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật. Hoạt động, quyền và nghĩa vụ

	của Đại lý phân phối được quy định tại Mục Điều 46, Điều 47 của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
“Điều lệ Quỹ VCAMBF”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.
“Nhà Đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội Nhà Đầu tư”	Là đại hội của các Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường theo quy định của Điều lệ này.
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho các Nhà Đầu tư, được Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà Đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.
“Hội đồng Đầu tư”	Là những chuyên gia được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn để giúp Công ty Quản lý Quỹ xem xét và cho ý kiến trước khi Công ty Quản lý Quỹ ra các quyết định đầu tư.
“Vốn Điều lệ Quỹ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá Đơn vị Quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư VCAMBF”	(Sau đây gọi là “Chứng chỉ”) là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà Đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí hay giá dịch vụ phát hành đã quy

	<p>định tại Điều lệ Quỹ; hoặc bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ cộng thêm phí hay giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ (trong các đợt chào bán tiếp theo).</p>
“Giá mua lại”	<p>Là mức giá mà Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trừ đi phí hay giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.</p>
“Phí quản lý quỹ” hay “Giá dịch vụ quản lý Quỹ”	<p>Là phí hay giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.</p>
“Phí phát hành/phí mua lại” hay “Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại”	<p>Là phí hay giá dịch vụ mà Nhà Đầu tư phải trả khi mua/bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Phí phát hành/phí mua lại hay giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ hợp lệ.</p>
“Cổ tức Quỹ”	<p>Có nghĩa là khoản lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu tư.</p>
“Năm tài chính”	<p>Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Khi khoảng thời gian từ lúc nhận Giấy chứng nhận thành lập Quỹ đến ngày 31/12 gần nhất nhỏ hơn 3 tháng thì năm tài chính sẽ tính gộp vào năm dương lịch tiếp theo.</p>
“Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ”	<p>Có nghĩa là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại Ngày trước Ngày Định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Phụ lục 4.</p>
“Ngày định giá”	<p>Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ theo quy định của Luật chứng khoán và Phụ lục 4 Điều lệ này.</p>
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	<p>Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt quỹ, phát hành, mua lại và chuyển đổi chứng chỉ Quỹ.</p>
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	<p>Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện giao dịch.</p>
“Ngày”	<p>Trong Điều lệ này, đối với các thời hạn quy định đến năm (05) ngày, được hiểu là ngày làm việc theo dương lịch, trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật, và các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật.</p>

“Điều lệ”	có nghĩa là bản Điều lệ này được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm tất cả các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm.
“Người có Liên quan”	có nghĩa là khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006.
“UBCKNN”	có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Luật Chứng khoán”	Là Luật số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006, và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch tóm tắt, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, Điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ “của Điều lệ này”, “trong Điều lệ này” và “theo Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới chính văn kiện, thoả thuận đó hoặc văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, thay thế và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới chính văn bản pháp luật đó, văn bản pháp luật đó được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi, thay thế hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới chính tổ chức, cá nhân đó hoặc bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ

- Tên Quỹ đầu tư
Tên bằng tiếng Việt: **QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT**
Tên giao dịch quốc tế: Viet Capital Balanced Fund
Tên viết tắt: VCAMBF
- Địa chỉ đăng ký: Phòng 2303, Lim Tower, 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: +848 3823 9909
- Fax: +848 3824 6329

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

- Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà Đầu tư.
- Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và thực thi các quyền hạn khác theo Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- Công ty Quản lý Quỹ do Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.
- Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận để bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 3. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

- Vốn Điều lệ Quỹ
 - Vốn Điều lệ tối thiểu huy động trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ là **50.000.000.000** Đồng Việt Nam (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam).
 - Vốn Điều lệ Quỹ do các Nhà Đầu tư đóng góp bằng đồng Việt Nam. Việc góp vốn được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát.
- Đơn vị Quỹ
 - Mệnh giá của Đơn vị Quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam (mười nghìn Đồng Việt Nam).
 - Giá trị của một Đơn vị Quỹ tại một thời điểm nhất định bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm đó.

Điều 4. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 5. Công ty Quản lý Quỹ

- Tên Công ty Quản lý Quỹ

- Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
- Tên bằng tiếng Anh: Viet Capital Asset Management
- Tên viết tắt: VCAM
2. Giấy phép thành lập số: 08/UBCK-GPHĐQLQ
3. Địa chỉ đăng ký: Phòng 2303, Lim Tower, 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
4. Điện thoại: +8428 3823 9909
5. Fax: +8428 3824 6329

Điều 6. Ngân hàng Giám sát

1. Tên Ngân hàng Giám sát
- Tên bằng tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Tên bằng tiếng Anh: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
3. Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ - UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp
4. Địa chỉ đăng ký: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
5. Điện thoại: +84-28-38218812 Fax : +84-28-39144714
6. Website: bidv.com.vn

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 7. Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Điều 8. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

- a) Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu (bao gồm cả là cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.
- b) Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhân định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.
- c) Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư:

Lĩnh vực đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định như trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi có kỳ hạn, giấy tờ có giá, và các công cụ tiền tệ khác. Quỹ sẽ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ. Các nhóm ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ Đầu tư VCAMBF bao gồm nhưng không giới hạn:

- Thực phẩm - Nước giải khát
- Vật liệu - Khai khoáng
- Năng lượng
- Bán lẻ
- Ngân hàng - Dịch vụ tài chính
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- Hàng hóa công nghiệp
- Tiện ích công cộng

- Hàng tiêu dùng
 - Bảo hiểm
 - Dược phẩm
 - Dệt may- Thiết bị phụ tùng
 - Vận tải
3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:
- Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - b) Ngoại tệ, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - c) Các loại trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành ;
 - f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
 - g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
4. Trường hợp quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 phải được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải có cam kết của tổ chức phát hành hoặc tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
5. Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này phát hành tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 9. Hạn chế đầu tư

1. Quỹ đầu tư VCAMBF sẽ tuân theo các quy định về hạn chế đầu tư sau đây:
 - a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Ngoại tệ, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

- b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a,b,d,e và f khoản 3 Điều 8 phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
 - d) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
 - e) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
2. Trừ trường hợp quy định tại khoản (g), (h) và (i) Khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
 - d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
4. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được vào quỹ.

Điều 10. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Điều lệ này.
2. Công ty Quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá.
Lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với điều kiện thị trường thực tế.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ và trái phiếu.
Lựa chọn các công cụ nợ có kỳ hạn hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận, thay đổi phù hợp với đường cong lãi suất.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu.
Lựa chọn các cổ phiếu có giá trị cơ bản, tiềm năng tăng trưởng và tỷ suất cổ tức hợp lý nhất cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận.

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư của Quỹ bao gồm pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký và thông báo đến cho Đại lý phân phối nơi Nhà Đầu tư mở tài khoản giao dịch.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư có các quyền sau đây:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;

- b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
 - c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
 - d) Tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư, mỗi Đơn vị Quỹ có một phiếu biểu quyết; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này.
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này.
2. Nhà Đầu tư có nghĩa vụ như sau:
- a) Tuân thủ Điều lệ này;
 - b) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
 - c) Thanh toán đầy đủ tiền mua số Đơn vị Quỹ đăng ký và/hoặc cam kết mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ; và
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 14. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư

1. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (Sổ chính) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu tư. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ chính phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;
 - b) Thông tin về Nhà Đầu tư, bao gồm:

Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu tư; số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;
 - c) Số tài khoản; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài);
 - d) Số lượng Đơn vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu.
3. Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 15. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Quy định chung về giao dịch chứng chỉ quỹ:

- a) Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là ngày Thứ Sáu (6) thứ nhất và thứ ba trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày Thứ Sáu (6) kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày Thứ Sáu (6) kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất một (01) tháng trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.
- b) Thời điểm đóng sổ lệnh: là 10h sáng ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Lệnh mua và lệnh bán chỉ được thực hiện nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- c) Nhà Đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Nhà Đầu tư mở tài khoản đứng tên chủ sở hữu là Nhà Đầu tư (Tài khoản của Nhà Đầu tư) khi giao dịch qua Đại lý Phân phối.
- d) Lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu tư. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

2. Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ

- a) Nhà Đầu tư phải có tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ trước khi đặt lệnh mua. Việc đăng ký mở tài khoản được thực hiện tại các Đại lý Phân phối.
- b) Nhà Đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký mua, đồng thời xuất trình chứng từ hợp lệ xác nhận Nhà Đầu tư đã chuyển tiền vào Tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trước thời điểm đóng sổ lệnh:
 - i. Giá trị giao dịch đăng ký của Nhà Đầu tư không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng).
 - ii. Số tiền trên tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ (giấy chuyển tiền) phải khớp với giá trị giao dịch đăng ký trên phiếu đặt lệnh mua, phí chuyển khoản do Nhà Đầu tư chịu.
 - iii. Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản. Nhà Đầu tư thanh toán giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp từ tài khoản đứng tên Nhà Đầu tư. Nhà Đầu tư nước ngoài cần tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và tự chịu trách nhiệm trong việc chuyển khoản từ tài khoản “góp vốn mua cổ phần” hợp pháp của mình để đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ cũng như đăng ký chính tài khoản này là tài khoản thụ hưởng để nhận các khoản tiền thanh toán có liên quan từ Quỹ. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi các nhân, tổ chức

khác không phải là Nhà Đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu tư được hưởng lợi.

- c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:
- $$\text{Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối} = \text{Số tiền đăng ký mua } x (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành}(\%)) / \text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}$$
- Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- d) Xác nhận giao dịch: được Đại lý phân phối chuyển tới Nhà Đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Đơn vị quỹ Nhà Đầu tư mua được.
- e) Trong trường hợp tiền thanh toán mua chứng chỉ Quỹ đã nhận nhiều hơn số tiền đăng ký giao dịch, số tiền chênh lệch sẽ được hoàn trả vào tài khoản thụ hưởng của Nhà đầu tư đăng ký trên phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ, phí chuyển tiền sẽ do Nhà Đầu tư chịu.
- f) Lệnh mua của Nhà Đầu tư không hợp lệ trong các trường hợp sau:
- Đến 10h00 sáng ngày ngày làm việc liền trước của Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiền thanh toán mua chứng chỉ Quỹ đã chuyển vào tài khoản của Quỹ thấp hơn giá trị đăng ký mua hoặc Quỹ không nhận được tiền;
 - Tiền mua chứng chỉ Quỹ nộp bằng tiền mặt;
 - Trong trường hợp lệnh mua của Nhà Đầu tư không hợp lệ, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ này sẽ được chuyển trả ngược lại vào tài khoản chuyển đến trong vòng không quá bảy (07) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+7), phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này hoặc số tiền mua này được sử dụng cho kỳ giao dịch tiếp theo nếu Nhà Đầu tư đưa chỉ thị mua.

3. Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ

- Nhà Đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký bán.
 - Phiếu đăng ký bán phải được nộp tại địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ của Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh.
 - Số lượng Đơn vị quỹ mà Nhà Đầu tư đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
 - Nhà Đầu tư có thể đặt lệnh bán toàn bộ hoặc một phần số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ.
 - Nhà Đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng giá trị thanh toán mua lại sau khi khấu trừ các khoản thuế theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.
 - Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:
- $$\text{Giá trị tiền bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV của đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại}(\%)).$$
- Xác nhận giao dịch: được Đại lý Phân phối chuyển tới Nhà Đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

- h) Thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ: thời hạn thanh toán trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+7).
- i) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất;
 - Được Nhà Đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
 - Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
 - Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà Đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản này.

Điều 16. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Đáp ứng một phần của lệnh bán: Theo quy định của pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán trong trong một số trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi nếu có) trừ đi tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi nếu có) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư dẫn tới: giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 50 tỷ đồng.
2. Trong trường hợp lệnh bán chỉ được đáp ứng một phần, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng việc phân bổ lệnh bán theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: Tất cả các lệnh bán được ghép cùng với nhau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký mua giao dịch là như nhau để đảm bảo công bằng cho tất cả các Nhà Đầu tư.
3. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ bị hủy bỏ. Nhà Đầu tư có nhu cầu bán phải đăng ký trong các kỳ giao dịch tiếp theo..
4. Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

5. Công ty Quản lý Quỹ báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Nhà Đầu tư, tùy thuộc vào tình hình thực tế, nhưng không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ gần nhất.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 4 điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 17. Giá phát hành và giá mua lại Đơn vị Quỹ

1. Giá phát hành một Đơn vị Quỹ được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.
2. Giá mua lại một Đơn vị Quỹ, tức là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu tư, được xác định bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại.

Các mức phí cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ quy định trong chương XII của Điều lệ này và Bản cáo bạch hiện hành.

Điều 18. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 19. Đại hội Nhà Đầu tư

1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà Đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà Đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được Công ty Quản lý Quỹ triệu tập trong những trường hợp sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư

Đại hội Nhà Đầu tư có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát trên cơ sở thỏa thuận với Ngân hàng Giám sát; phương án phân phối lợi nhuận;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí hay giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;
4. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ; tách Quỹ;
5. Giải thể Quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ.
7. Các quyền khác theo quy định tại Điều 85 Luật chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu tư theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành đại hội.
2. Nhà Đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà Đầu tư hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội Nhà Đầu tư. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải tuân thủ các quy định về ủy quyền theo pháp luật. Người được ủy quyền dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền cho Ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp.

3. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu tư tham dự.
5. Đại hội Nhà Đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và 3 Điều 20.
6. Đại hội Nhà Đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà Đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
7. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
8. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản của các Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các công việc sau:
 - a) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
 - b) Phát hành phiếu hỏi ý kiến có nội dung như sau:
 - (i) Tên Quỹ;
 - (ii) Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - (iii) Thời hạn cuối cùng gửi ý kiến;
 - (iv) Lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí”, “không nhất trí” và “không có ý kiến”.
 - c) Gửi phiếu hỏi ý kiến cùng tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà Đầu tư có quyền dự họp Đại hội Nhà Đầu tư và UBCKNN tối thiểu mười lăm (15) ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến.
 - d) Lập ban kiểm phiếu, trong đó phải có đại diện của Ngân hàng Giám sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 22. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, công ty kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.

4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 20 của Điều lệ này (ngoại trừ nội dung thay đổi Công ty Quản lý Quỹ), Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Đối với nội dung thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:
 - a) Được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất tám mươi lăm phần trăm (85%) tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và
 - b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại điểm a khoản này không ít hơn bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.
6. Trường hợp lấy ý kiến đại hội Nhà Đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà đầu tư biểu quyết tán thành.
7. Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà Đầu tư để lấy lại ý kiến hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản.
8. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Công ty quản lý quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và cung cấp cho Nhà Đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ.

Điều 23. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư

1. Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư về các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 20 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của Công ty Quản lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác có cùng chính sách đầu tư do Công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng xác định tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu tư và Nhà Đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, phí chuyển đổi.

CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ VÀ HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ

Điều 24. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ đại diện cho Nhà Đầu tư, được bầu tại các cuộc họp đại hội Nhà Đầu tư hoặc được Nhà Đầu tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản.
2. Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) đến sáu (06) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Đại diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
4. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, hoặc có thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
5. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm. Thành viên của Ban Đại diện Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Đại diện Quỹ của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Ban Đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Đại diện Quỹ.
6. Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được hưởng thù lao và được thanh toán các chi phí và phí tổn hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban Đại diện Quỹ hoặc các chi phí và phí tổn hợp lý khác vì mục đích công việc của Quỹ. Đại hội Nhà Đầu tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện Quỹ căn cứ vào số ngày dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.
7. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của Chủ tịch và thành viên Ban đại diện theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân trừ trường hợp là người đại diện phần vốn của Tổ chức nhận khoản thù lao Ban đại diện thay cho Tổ chức và nộp về cho chủ sở hữu theo ủy quyền hợp pháp.
8. Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Là Nhà Đầu tư cá nhân hoặc người đại diện theo uỷ quyền của nhóm Nhà Đầu tư sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành trong trường hợp không phải là thành viên độc lập;
 - c) Có trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính và/hoặc pháp luật, am hiểu hoạt động kinh doanh quỹ đầu tư.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 3 Điều 8 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.
3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
5. Trường hợp Điều lệ Quỹ có quy định và Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 20 Điều lệ này.
6. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
8. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại diện quỹ, thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu tư theo phương thức quy định tại Điều 66 Điều lệ này.
9. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà Đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số các thành viên Ban Đại diện Quỹ.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ; và
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.
2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn theo nguyên tắc nhất trí một trong số các thành viên độc lập trong Ban Đại diện Quỹ tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 29. Hoạt động của Ban Đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một (01) lần, dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ phải có các nội dung sau:
 - a) Thời gian và địa điểm họp;
 - b) Họ và tên thành viên tham dự;
 - c) Chương trình họp;

- d) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và kết quả biểu quyết;
 - e) Tóm tắt ý kiến phát biểu tại cuộc họp;
 - f) Các quyết định đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua; và
 - g) Chữ ký có ghi rõ họ và tên của tất cả các thành viên Ban Đại diện và thư ký tham gia cuộc họp.
6. Trong trường hợp Ban Đại diện Quỹ xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp định kỳ hoặc để quyết định khẩn cấp một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có thể tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Ban Đại diện Quỹ bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải làm các công việc sau:
- a) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến. Phiếu hỏi ý kiến phải có những nội dung sau:
 - (i) Tên Quỹ;
 - (ii) Lý do hỏi ý kiến;
 - (iii) Vấn đề cần hỏi ý kiến và danh mục tài liệu hỗ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - (iv) Lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí”, “không nhất trí” và “không có ý kiến”; và
 - (v) Thời hạn cuối cùng mà các thành viên Ban Đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời.
 - b) Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu; và
 - d) Thông báo bằng văn bản về kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn mà các thành viên Ban Đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời của họ. Trong trường hợp các thành viên Ban Đại diện Quỹ không gửi văn bản trả lời hoặc gửi văn bản trả lời không đúng thời hạn quy định thì được coi như là đã biểu quyết “không có ý kiến”.
7. Chi phí tiến hành họp Ban Đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.
8. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quỹ

- 1. Thành viên Ban Đại diện Quỹ sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố;
 - b) Bị toà án tuyên bố mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban Đại diện Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
 - d) Nghỉ hưu theo quy định của pháp luật lao động;

- e) Chết hoặc mất tích theo phán quyết, quyết định của toà án, cơ quan có thẩm quyền;
 - f) Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo uỷ quyền của Nhà Đầu tư tổ chức;
 - g) Tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ hoặc của một bên thứ ba có thoả thuận bảo mật với Quỹ;
 - h) Không tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ ba (03) lần liên tiếp mà không có lý do hợp lệ;
 - i) Vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
2. Thành viên Ban Đại diện Quỹ muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà Đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban Đại diện Quỹ chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư, tuy nhiên thành viên Ban Đại diện Quỹ không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ ;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ Điều lệ này và các quyết định hợp lệ của Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan và bảo vệ quyền lợi của các Nhà Đầu tư;
 - b) Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà Đầu tư;
 - c) Khi quản lý tài sản của quỹ, công ty quản lý quỹ phải:
 - i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát;

Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi;

- Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phân vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho quỹ; công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
- ii. Bảo đảm việc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với các quỹ khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - iii. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của quỹ.
 - iv. Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - v. Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; các giao dịch này chỉ được thực hiện sau khi được chấp thuận bởi Đại hội Nhà Đầu tư và/ hoặc Ban Đại diện và các chủ thể khác theo quy định của pháp luật và được thông báo đầy đủ thông tin liên quan theo quy định của pháp luật;
 - vi. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý Quỹ. Những người điều hành Quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.
- d) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.
- e) Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- i. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ;
 - ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư.
- f) Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản lý Quỹ và các quy định tại Điều lệ quỹ.

- g) Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng giám sát để ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát.
- h) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về các giao dịch tài sản của quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- i) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ quỹ.
- j) Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- k) Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà Đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- l) Công ty Quản lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản này.
- m) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- n) Trường hợp Quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của Quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- o) Việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ Quỹ có điều khoản cho phép thực hiện.

Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

- p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
- i. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ; và
 - ii. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.
- q) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- r) Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm:
- i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
- s) Đảm bảo rằng khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty Quản lý Quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ này;
- t) Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; thay mặt Quỹ, thực hiện thanh toán các khoản phí hay giá dịch vụ và chi phí hợp lý hợp lệ của Quỹ;
- u) Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của Ban Đại diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;
- v) Khấu trừ bất cứ khoản thuế nào áp dụng đối với thu nhập phân phối cho các Nhà Đầu tư và các thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch đối với Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật;
- w) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại diện Quỹ, các Nhà Đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- x) Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp:
 - i. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là trọng yếu theo quy định của pháp luật.
 - ii. Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ này.
 - iii. Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều 10 Điều lệ quỹ này, quy định của pháp luật.
 - iv. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này.
- y) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ.

2. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:

- a) Lựa chọn ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Điều lệ này;
- b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cho Quỹ bao gồm (nhưng không giới hạn bởi) hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyển nhượng với đại lý chuyển nhượng;
- f) Được hưởng các khoản phí hay giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- h) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ

- 1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Theo đề nghị Ban Đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;

- b) Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đề nghị đó được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận;
 - c) UBCKNN thu hồi giấy phép quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ;
 - d) Công ty Quản lý Quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty Quản lý Quỹ khác và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ mới hình thành sau khi sáp nhập hoặc hợp nhất đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý Quỹ
- a) Trong trường hợp thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo Điểm a, Khoản 1, Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí hay giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) để bù đắp những chi phí phát sinh do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng của công ty Quản lý Quỹ.
 - b) Mức phí này sẽ bằng:
 - i. 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là trước 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.
 - ii. 1,5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thay thế nếu thời điểm thay thế là sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động.

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.;
2. Trừ trường hợp tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý theo đúng quy định pháp luật và những trường hợp khác theo luật định, Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.

3. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
4. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản lý Quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;
 - e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
5. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
6. Công ty Quản lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán.
2. Để giám sát hoạt động cho một quỹ mở, ngân hàng giám sát phải có tối thiểu 02 nhân viên nghiệp vụ có các chứng chỉ sau:
 - a) Chứng chỉ cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; hoặc chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực chứng khoán CFA (Chartered Financial Analyst), CIIA (Certified International Investment Analyst); hoặc chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán cấp tại các quốc gia là thành viên của tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Cấp bậc tối thiểu yêu cầu đối với nhân viên nghiệp vụ của ngân hàng giám sát cho các chứng chỉ quốc tế nêu trên phải tuân theo quy định hiện hành của pháp luật liên quan;
 - b) Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - c) Chứng chỉ kế toán, hoặc kiểm toán; hoặc chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ phân tích kế toán; hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants).
3. Ngân hàng giám sát phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu tư quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
 - d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
 - e) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và những tài sản của ngân hàng giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban chứng khoán nhà nước;
 - i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
 - j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
 - k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ;
 - l) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền lập;
 - m) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
 - n) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.
2. Quyền của ngân hàng giám sát
- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
 - c) Kiểm tra, đề xuất và yêu cầu điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát nêu tại Điều lệ Quỹ để phù hợp với Hợp đồng Giám sát và pháp luật Việt Nam
 - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ.

Điều 37. Hoạt động lưu ký tài sản quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát được lựa chọn tổ chức tài chính trong và ngoài nước có chức năng lưu ký tài sản làm tổ chức lưu ký phụ để lưu ký các tài sản trong nước và ở nước ngoài của Quỹ. Hoạt động ủy quyền lưu ký phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Tổ chức lưu ký phụ phải là thành viên lưu ký theo quy định của pháp luật trong hoặc ngoài nước;
 - b) Hoạt động ủy quyền lưu ký phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ. Hợp đồng phải quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm

giữa ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ. Tổ chức lưu ký phụ chỉ thực hiện theo lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của ngân hàng giám sát;

- c) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức lưu ký phụ cũng như chịu mọi chi phí phát sinh liên quan tới việc ủy quyền thực hiện các hoạt động giám sát, lưu ký tài sản của quỹ;
- d) Tổ chức lưu ký phụ ở nước ngoài có quyền tái lưu ký tài sản tại tổ chức lưu ký chứng khoán mà họ là thành viên theo quy định của nước sở tại. Tài sản của Quỹ phải được tổ chức lưu ký phụ đăng ký quyền sở hữu thuộc về Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan;
- e) Ngân hàng giám sát phải có đầy đủ thông tin về tất cả mọi tài sản thuộc sở hữu của Quỹ bao gồm loại, khối lượng, nơi lưu ký, tổ chức lưu ký. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo đảm tài sản của Quỹ phải được đăng ký, lưu ký và ghi nhận dưới hình thức để luôn nhận diện được đó là tài sản thuộc sở hữu của Quỹ.

2. Hoạt động lưu ký tài sản Quỹ phải đảm bảo:

- a) Mọi tài sản của Quỹ mở phát sinh tại Việt Nam phải được lưu ký tại ngân hàng giám sát theo nguyên tắc sau:
 - i. Trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của Quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của ngân hàng giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ phải được lưu ký đầy đủ tại ngân hàng giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung.

Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quỹ trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công ty Quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban Đại diện Quỹ.
 - ii. Trường hợp là loại tài sản không có đăng ký sở hữu, ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quỹ, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành.
 - iii. Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, ngân hàng giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ.
- b) Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các

nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán, tài sản phải phù hợp với số lượng tài sản, chứng khoán và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán;

- c) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của Quỹ;
 - d) Tuân thủ các nguyên tắc về hoạt động lưu ký tài sản của Quỹ theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Tài sản của quỹ, dưới dạng vật chất hoặc phi vật chất, đăng ký sở hữu dưới tên của Quỹ hoặc không dưới tên Quỹ, lưu ký tại ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký phụ (nếu có) là tài sản thuộc sở hữu của Quỹ, không phải của ngân hàng giám sát hoặc Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng giám sát không được sử dụng tài sản của Quỹ để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba

Điều 38. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:
- a) Phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ
2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của pháp luật theo quy định tại phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
4. Ngân hàng giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.
5. Ngân hàng giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu bằng văn bản.
6. Ngân hàng giám sát được cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ. Bộ phận cung cấp dịch vụ quản trị quỹ tại ngân hàng giám sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử Nhà Đầu tư với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác của ngân hàng giám sát. Trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ quản trị quỹ theo quy định tại điểm a khoản 27 Điều 2 Thông tư 183/2011/TT-BTC, bộ phận cung cấp dịch vụ phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants).
7. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ do Bộ Tài chính ban hành, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.
8. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của đại hội Nhà Đầu tư hoặc đại hội thành viên của Quỹ.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định của pháp luật. Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho ngân hàng thay thế.
3. Trường hợp ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.

CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 40. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý Quỹ được phép ủy quyền đối với các dịch vụ dưới đây::

1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:
 - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
 - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.
2. Dịch vụ đại lý chuyên nhượng:

Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;

 - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
 - Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư;

- Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 41. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung
 - a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
 - c) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền;
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền;
3. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý Quỹ;
4. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 43. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;
4. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công ty Quản lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;
10. Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
 - a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ);
 - d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.

Điều 44. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Các tổ chức cung cấp dịch vụ thuê ngoài cho Quỹ bị chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ xét thấy tổ chức cung cấp dịch vụ không đáp ứng các tiêu chí và trách nhiệm theo quy định tại điều lệ này. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt hoạt động ủy quyền đến Nhà Đầu tư.

CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý Phân phối

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ.
2. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.
3. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng phân phối.

Điều 46. Hoạt động của Đại lý Phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý Phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu tư; Đại lý Phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại lý Phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
3. Hỗ trợ Nhà Đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Nhà Đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu tư; cung cấp cho Nhà Đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;

5. Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu tư và các giao dịch của Nhà Đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
7. Đại lý Phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho Công ty Quản lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Đại lý Phân phối

1. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi Nhà Đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu tư.
5. Đại lý Phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các Hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.
7. Đại lý Phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu tư.
8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

Điều 48. Chấm dứt hoạt động của Đại lý Phân phối

1. Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ bị chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện chấm dứt hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ;
 - b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ;
 - c) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
2. Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của Đại lý Phân phối;
 - b) Đại lý Phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
 - c) Địa điểm phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

1. Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm cho Quỹ sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định. Trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền, Ban đại diện Quỹ sẽ quyết định trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại diện Quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Quỹ.
2. Công ty Kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Được UBCKNN cho phép thực hiện việc kiểm toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán; và

- c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
 - d) Không phải là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
3. Các báo cáo tài chính sẽ được soát xét bán niên và được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Công ty Kiểm toán được chỉ định phải cam kết bảo mật mọi thông tin về hoạt động đầu tư, các giao dịch và các thông tin khác của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ và không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Kiểm toán theo hợp đồng kiểm toán và Điều lệ này, bất kỳ thông tin nào liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động của Quỹ mà Công ty Kiểm toán nhận được hoặc biết được qua quá trình thực hiện chức năng là Công ty Kiểm toán, trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 50. Năm Tài chính

Một năm tài chính (“**Năm Tài chính**”) có thời hạn là mười hai (12) tháng và được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của mỗi năm dương lịch. Năm Tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, bán niên, và thường niên) về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính bán niên và năm sẽ được soát xét và kiểm toán hàng năm bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.
3. Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến UBCKNN, Ngân hàng Giám sát, từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và các Nhà Đầu tư theo quy định của Điều lệ này.
4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 53. Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà Đầu tư các báo cáo khác bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

1. Báo cáo về hoạt động của Quỹ;
2. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ;
3. Báo cáo định kỳ hoạt động đầu tư của Quỹ.

CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 54. Xác định Giá trị Tài sản Ròng

1. Việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và Ngân hàng Giám sát xác nhận phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ này. Việc Ngân hàng Giám sát thực hiện việc định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định tại khoản 6 Điều 38 Điều lệ này đối với trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ.
2. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát và Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.
3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, Giá trị Tài sản Ròng được tính chính xác.
5. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Khoản 1 Điều 15 Điều lệ này và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 55. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ

Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.

Điều 56. Công ty Quản lý Quỹ đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn nếu thiệt hại từ 1% Giá trị Tài sản Ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã bán;

- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
- 3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu tư mua chứng chỉ Quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
- 4. Mức đền bù bằng đúng mức thiệt hại và được xác định theo các căn cứ nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
- 5. Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này được hạch toán vào Quỹ nếu được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.
- 6. Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà Đầu tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn (100.000) đồng nhưng toàn bộ phần thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ phải được đưa vào thu nhập của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định khác.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

- 1. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá
 - a) Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn danh sách tổ chức cung cấp báo giá (tối thiểu gồm 3 tổ chức);
 - b) Việc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá chỉ phục vụ cho việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ;
 - c) Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
- 2. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá
 - a) Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Các hệ thống báo giá trái phiếu;
 - c) Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Điều 58. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

1. Cổ tức từ cổ phiếu;
2. Lãi trái phiếu;
3. Lãi tiền gửi;
4. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
5. Các khoản thu nhập khác.

Điều 59. Lợi nhuận của Quỹ

1. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).
3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
 - d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.

Điều 60. Các chi phí do Nhà Đầu tư trả

1. Giá dịch vụ phát hành lần đầu là giá dịch vụ Nhà Đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ Quỹ trong đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ phát hành lần đầu là 50 đồng (năm mươi đồng) trên 1 (một) Chứng chỉ Quỹ
2. Giá dịch vụ phát hành trong các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo là giá dịch vụ Nhà Đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ Quỹ sau đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Giá dịch vụ phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá dịch vụ phát hành trong các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo là 0,5%/tổng giá trị đăng ký mua.
3. Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ

ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại là 0,5%/giá trị bán thực hiện được.

4. Giá dịch vụ này sẽ được trả cho công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Phần thanh toán cho đại lý phân phối sẽ được tính toán dựa trên hợp đồng đại lý phân phối được ký giữa công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Ngân hàng giám sát, lưu ký sẽ chuyển trả trực tiếp phần giá dịch vụ này cho công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và chỉ thị thanh toán của Quỹ. Công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối sẽ xuất hóa đơn cho nhà đầu tư tương ứng với phần giá dịch vụ Nhà đầu tư đã trả.
5. Công ty Quản lý Quỹ có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm các mức giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại. Giá dịch vụ phát hành tối đa không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại tối đa không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 61. Các chi phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ:

Giá dịch vụ quản lý tài sản là 0,90% (không phải chín phần trăm) một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá và được trả cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 0,9% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

2. Phí hay giá dịch vụ lưu ký

Phí hay giá dịch vụ lưu ký là 0,06% Giá trị Tài sản Ròng một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá và được trả cho Ngân hàng giám sát hàng tháng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức phí hay giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là: 20.000.000 đồng/quỹ/tháng. Phí hay giá dịch vụ lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

– Phí hay giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

3. Giá dịch vụ quản trị và giám sát

Giá dịch vụ quản trị và giám sát quỹ là 0,05% Giá trị Tài sản Ròng một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của vào ngày định giá và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366). Mức phí tối thiểu là 15.000.000 đồng/quỹ/tháng

Giá dịch vụ giám sát quỹ = 0.02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366). Mức phí tối thiểu là: 5.000.000 đồng/quỹ/tháng

Ghi chú đối với phí/ giá dịch vụ lưu ký, quản trị và giám sát:

- Biểu phí/ giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) cho từng loại nghiệp vụ phải trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ do Quỹ VCAMBF chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này

Gồm:

Giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10 triệu đồng/ tháng và được trả hàng tháng.

Giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi và được trả hàng tháng

Giá dịch vụ lập danh sách thực hiện quyền là 1 triệu đồng/lần lập danh sách thực hiện quyền

Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Các loại giá dịch vụ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

5. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
6. Chi phí trả cho tổ chức định giá độc lập để định giá tài sản của Quỹ.
7. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ.
8. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ.
9. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.
10. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.
11. Thuế đánh trên các phí hay giá dịch vụ và các loại lệ phí khác:

Quỹ sẽ thanh toán các khoản giá dịch vụ quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ; giá dịch vụ giám sát, phí hay giá dịch vụ lưu ký cho Ngân hàng Giám sát; giá dịch vụ quản trị quỹ cho tổ chức cung cấp dịch vụ khác và các khoản thuế và phí (nếu có) liên quan đến việc thanh toán các loại phí hay giá dịch vụ nêu trên, kể cả thuế giá trị gia tăng và lệ phí ngân hàng.

CHƯƠNG XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 62. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 63. Các điều kiện tách Quỹ

1. Việc tách quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Các sự kiện khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 64. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư;
 - d) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (6) tháng.
2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 65. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát

viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

CHƯƠNG XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư

1. Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối; hoặc
 - b) Các phương tiện thông tin đại chúng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà Đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, và các báo cáo khác bán niên và hàng năm khác theo quy định của pháp luật.
4. Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà Đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà Đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này.
5. Trường hợp Nhà Đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Đại hội Nhà Đầu tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư:
 - a) Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý;
 - b) Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại điều lệ quỹ.
2. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ này thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

Điều 68. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản xác nhận việc lập Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm phối hợp với các Nhà Đầu tư của Quỹ để hoàn tất mọi thủ tục thành lập quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 69. Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 69 Điều và 04 Phụ lục.
2. Các Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban Đại diện Quỹ.
4. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị ngang nhau:
 - a) 01 (một) bản để báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - b) 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
 - c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/10/2006.

Cam kết thực hiện các điều sau đối với Quỹ:

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng Giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản phí hay giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu tư và số lượng chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý Quỹ hoặc những Người có Liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những Người có Liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ cho các Nhà Đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Họ và Tên: **Cung Trần Việt**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

PHU LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/GDHĐLK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo UBCKNN nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**NGÂN HÀNG TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh
Nam Kỳ Khởi Nghĩa**

Họ và Tên :

Chức vụ :

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/10/2006.

Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/GDHĐLK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM
KỶ KHỞI NGHĨA**

Họ và Tên: **Cung Trần Việt**

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Họ và Tên :

Chức vụ :

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG TRÊN MỘT ĐƠN VỊ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

I. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ

1. Ngày định giá :

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Thứ Sáu hàng tuần. Nếu ngày định giá nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà Đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ

2.1. Giá trị Tài sản Ròng (NAV): là Tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi Tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, phí hay giá dịch vụ lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại ngày trước Ngày định giá.

Tại Ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền sẽ tiến hành việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của quỹ theo các nguyên tắc sau đây:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền gửi không kỳ hạn (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4	Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyên nhượng, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết - Trái phiếu Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán (HSX và HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu là lãi suất chiết khấu trung bình do (03) tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất nhưng không quá (02) tuần tính đến ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

6	Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương	<p>- Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán (HSX và HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>+ Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.</p>
7	Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	<p>- Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên.</p> <p>- Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</p>
8	Trái phiếu không niêm yết	<p>- Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Theo phương pháp do Ban Đại diện Quỹ quyết định</p> <p>Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</p>
Cổ phiếu		

9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 03 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 03 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận
11	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 03 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

12	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
13	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình dựa trên báo giá (giá của giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá) do tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách.
15	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

16	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
17	Cổ phần, phần vốn góp khác	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
18	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
20	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
Các tài sản khác		
21	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
22	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

2.2. **Tổng nợ phải trả của Quỹ** là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá.

2.3. **Giá trị tài sản ròng (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ**

2.4. Giá trị Tài sản Ròng của một Đơn vị quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

2.5. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

II. Quy trình định giá tài sản Quỹ

1. Vào ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ các theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Phần I Phụ lục này.
2. Đối với giá trái phiếu chưa niêm yết: Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện lấy giá từ Tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
3. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.
4. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
5. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý Phân phối hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác cho Nhà Đầu tư.